TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 198/2018/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 10 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2018/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần T, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp Y, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Chị Cao Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp Y, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần T với chị Cao Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần T với chị Cao Thị T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 53 quyển số 01/2010 ngày 27/10/2010 của UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: Chị Cao Thị T tiếp tục nuôi cháu Trần Thành P, sinh ngày 01/11/2012. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phát mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ ngày 02/7/2018 đến khi cháu Phát tròn 18 tuổi.

Anh Trần T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu

cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí hôn nhân gia đình + án phí cấp dưỡng hòa giải thành là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) anh Trần T tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015970 ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp xong.

Hoàn trả cho chị Cao Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.300.000đ (Mười một triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016135 ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng Hạnh